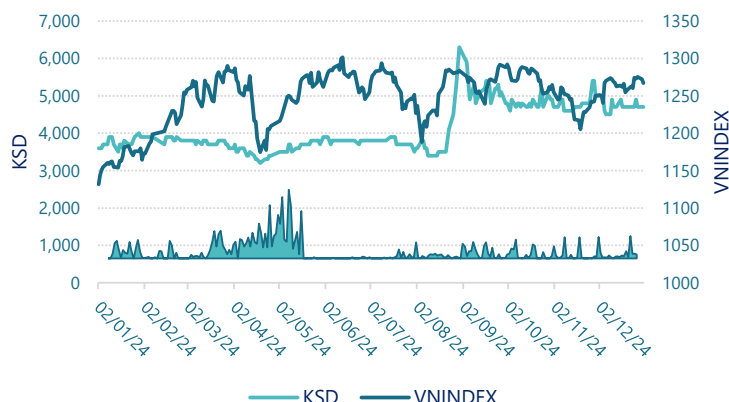


CTCP Đầu tư DNA (HNX: KSD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	4,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,285
% sở hữu nước ngoài	25.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
P/E	295.5
EPS	16

DT thuần

Q4/24

12.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.20 | -9.1%

YoY: ▲ 5.86 | 89.0%

LN sau thuế

Q4/24

1.13

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.05 | 5.1%

YoY: ▲ 0.12 | 12.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.7%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2024

46.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00 | -11.4%

LN sau thuế

2024

0.19

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.04 | 23.7%

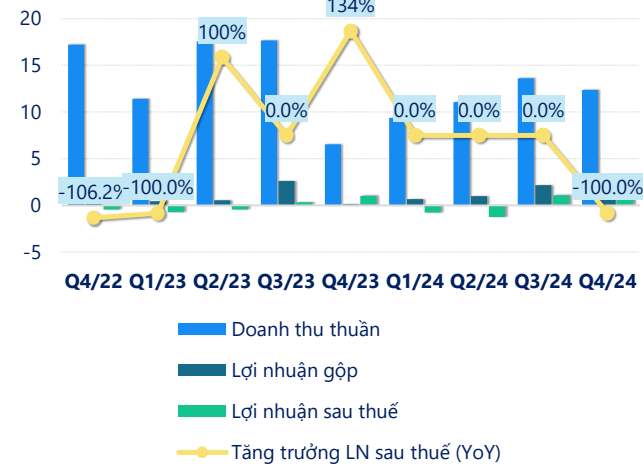
ROE

2024

0.2%

tỷ VNĐ

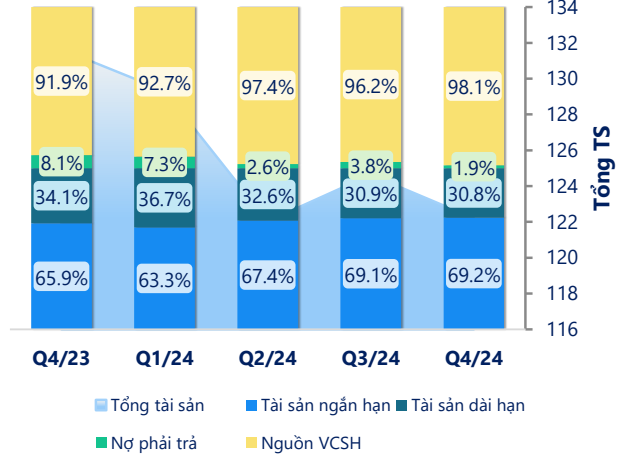
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

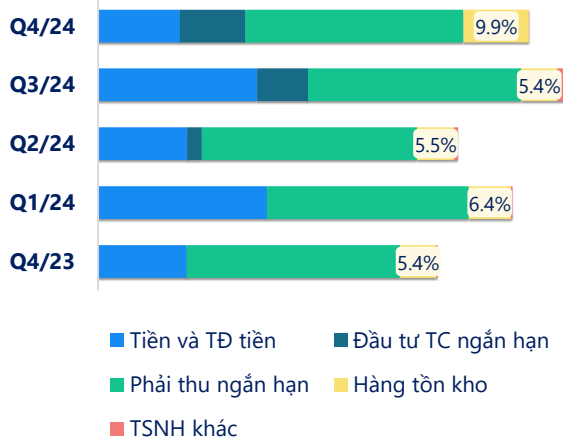
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



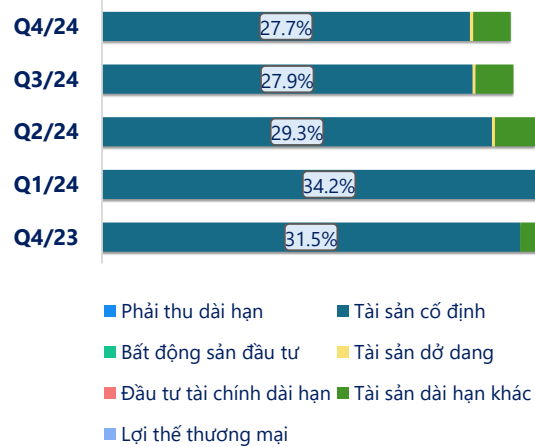
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

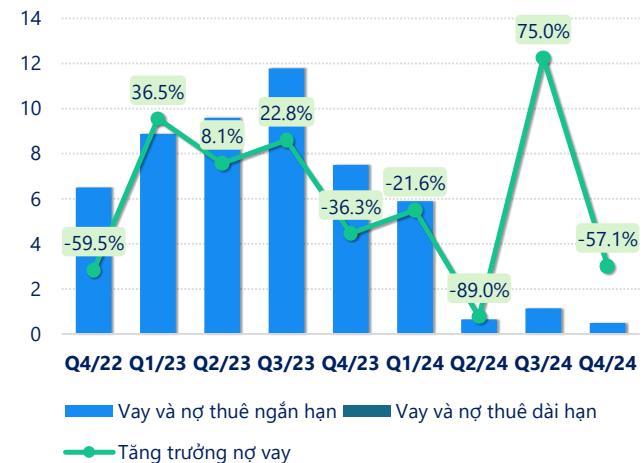
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

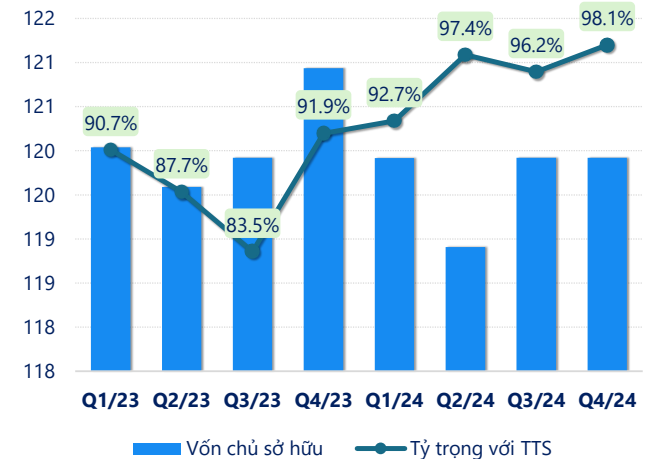
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

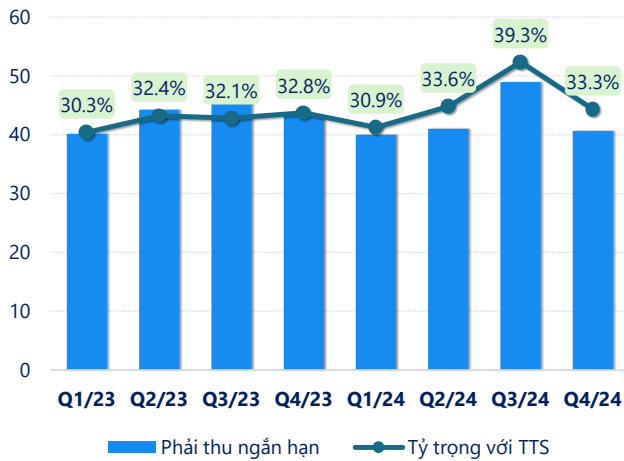
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



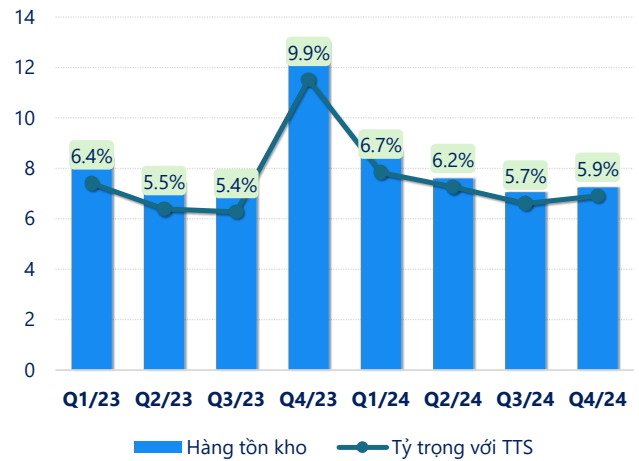
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


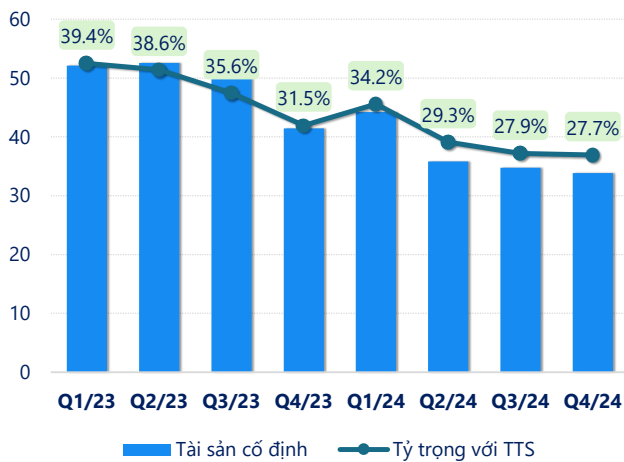
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


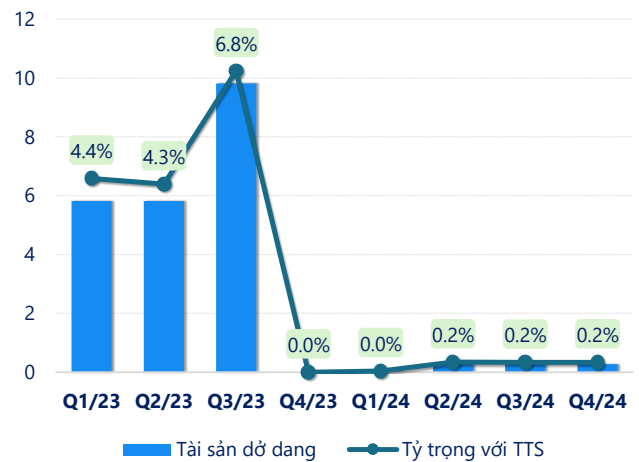
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

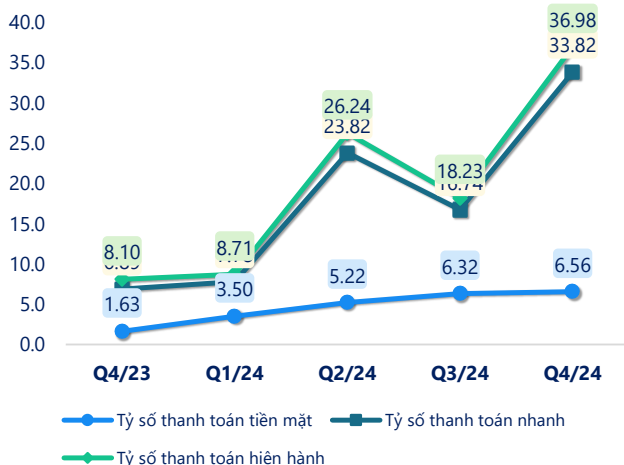
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

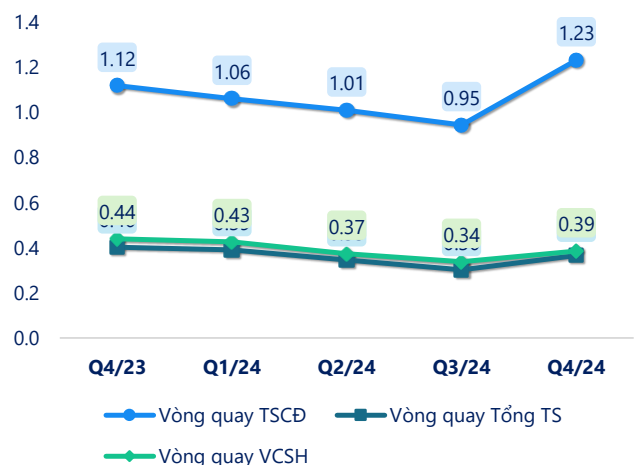
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	132	129	122	125	122
Tài sản ngắn hạn	86.7	81.8	82.3	86.1	84.6
Tiền và tương đương tiền	17.5	32.9	16.4	29.8	15.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	0	17.3	0	21.2
Phải thu ngắn hạn	43.2	40.0	41.0	48.9	40.6
Hàng tồn kho	13.0	8.69	7.60	7.06	7.24
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.19	0.02	0.25	0.52
Tài sản dài hạn	44.9	47.5	39.8	38.6	37.6
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	41.4	44.2	35.8	34.7	33.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.04	0.28	0.28	0.28
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.49	3.28	3.68	3.55	3.46
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	10.7	9.40	3.14	4.72	2.29
Nợ ngắn hạn	10.7	9.40	3.14	4.72	2.29
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.51	5.88	0.65	1.13	0.49
Phải trả người bán ngắn hạn	0.39	0.89	0.72	0.95	0.24
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	121	120	119	120	120
Vốn chủ sở hữu	121	120	119	120	120
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)